

Số : 03 /2019/CV-DSP

Tp.HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Mã chứng khoán : DSP

Trụ sở chính : Số 15 đường số 2, CX Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại : : 02838 650 921 Fax: 02838 655 930

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Quốc Anh**

Địa chỉ: Số 15 đường số 2, CX Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng) :0903823456

Fax: 0838 655 930

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2019 tại đường dẫn : <http://www.phuthotourist.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên

- Lưu

Đính kèm : báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018



Nguyễn Quốc Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH
PHÚ THỌ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Anh Vương	Thành viên
Ông Nguyễn Đông Hoà	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Ngọc Như	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thanh Hồng	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Trọng Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không. Có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Số: 602 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, Công ty đã phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng trước giai đoạn cổ phần do liên đới chịu trách nhiệm trong việc tranh chấp hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo yêu cầu của các Cơ quan có thẩm quyền nhưng Công ty chưa nộp do chưa thống nhất được đơn giá thuê đất trong giai đoạn này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 10 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1503-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		809.817.196.558	967.315.408.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.752.053.902	13.667.533.813
1. Tiền	111	4	12.752.053.902	13.667.533.813
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		735.200.000.000	877.730.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	735.200.000.000	877.730.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.486.188.790	70.982.843.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.151.776.652	1.817.772.905
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.665.073.654	13.157.017.636
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	49.640.992.083	56.008.052.521
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		28.346.401	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.163.970.762	2.659.120.104
1. Hàng tồn kho	141		3.163.970.762	2.659.120.104
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.214.983.104	2.275.911.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.214.983.104	2.275.911.917
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		589.196.039.632	568.628.850.600
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.878.656.948	5.350.656.948
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		240.000.000	240.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	12.678.656.948	12.150.656.948
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
II. Tài sản cố định	220		184.024.897.153	170.999.275.308
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	183.771.289.320	170.918.704.794
- Nguyên giá	222		522.758.217.302	466.291.944.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338.986.927.982)	(295.373.239.258)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	253.607.833	80.570.514
- Nguyên giá	228		29.999.912.390	29.530.636.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.746.304.557)	(29.450.065.701)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.078.967.384	10.330.000.837
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.078.967.384	10.330.000.837
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	308.382.717.683	274.443.017.683
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		253.277.125.000	253.277.125.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.605.592.683	21.165.892.683
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		21.500.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.830.800.464	107.505.899.824
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	89.830.800.464	107.505.899.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.399.013.236.190	1.535.944.259.496



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.773.938.195	210.404.866.946
I. Nợ ngắn hạn	310		69.002.050.195	209.225.978.946
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.787.627.886	12.311.064.470
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.936.085.973	1.918.746.619
3. Phải trả người lao động	314		8.559.773.672	8.587.468.918
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		214.622.328	505.904.186
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	35.359.285.837	185.489.782.134
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.144.654.499	413.012.619
II. Nợ dài hạn	330		1.771.888.000	1.178.888.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.771.888.000	1.178.888.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.328.239.297.995	1.325.539.392.550
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.328.239.297.995	1.325.539.392.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.686.924.280	69.686.924.280
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.712.373.715	69.012.468.270
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.821.826.390	4.363.909.862
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		66.890.547.325	64.648.558.408
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.399.013.236.190	1.535.944.259.496


Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	338.800.128.116	339.090.583.573
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		338.800.128.116	339.090.583.573
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	303.748.846.349	304.093.137.593
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.051.281.767	34.997.445.980
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	83.483.163.614	82.642.205.214
6. Chi phí tài chính	22		75.269.042	86.375.082
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.205.479	8.932.458
7. Chi phí bán hàng	25	23	10.169.146.873	10.746.361.042
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	30.873.815.248	30.983.464.166
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		77.416.214.218	75.823.450.904
10. Thu nhập khác	31	24	2.548.716.756	1.634.477.309
11. Chi phí khác	32	25	1.624.697.085	1.407.871.928
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		924.019.671	226.605.381
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		78.340.233.889	76.050.056.285
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	11.449.686.564	11.401.497.877
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		66.890.547.325	64.648.558.408
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	507	504

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78.340.233.889	76.050.056.285
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	47.346.467.453	59.249.795.419
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5.834	18.644
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(83.296.177.731)	(80.987.197.738)
Chi phí lãi vay	06	75.205.479	8.932.458
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.465.734.924	54.321.605.068
Thay đổi các khoản phải thu	09	31.853.460.911	(801.004.202)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(504.850.658)	1.624.753.990
Thay đổi các khoản phải trả	11	47.603.832	(9.033.376.806)
Thay đổi chi phí trả trước	12	17.736.028.173	16.719.527.276
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	-	42.347.095.125
Tiền lãi vay đã trả	14	(75.205.479)	(8.932.458)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.954.744.393)	(25.402.447.060)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	6.660.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(528.000.000)	(79.057.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.040.027.310	79.694.823.674
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(51.704.167.259)	(54.317.396.313)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	396.183.260	64.027.273
3. Tiền chi cho vay	23	(21.500.000.000)	(909.765.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	142.530.000.000	811.095.993.605
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.439.700.000)	-
6. Thu lãi tiền gửi	27	67.887.139.246	75.712.034.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	125.169.455.247	(77.210.341.042)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay nhận được	33	-	8.396.185.413
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(8.396.185.413)
3. Lợi nhuận/cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(206.124.956.634)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(206.124.956.634)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(915.474.077)	2.484.482.632
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.667.533.813	11.183.069.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.834)	(18.644)
Tiền và tương đương tiền cuối (70=50+60+61)	70	12.752.053.902	13.667.533.813

[Signature]

[Signature]



Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2006 và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 5 năm 2016. Vốn điều lệ của Công ty theo như đăng ký là 1.186.840.000.000 đồng tương đương 118.684.000 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UpCom với mã chứng khoán là DSP kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Thông báo số 1219/TB-SGDHN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 656 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 681 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau đây:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé máy bay – tàu lửa – tàu thủy;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Dịch vụ về nhiếp ảnh;
- Kinh doanh bãi đậu xe;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Giữ rừng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng và phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua hay giá đền bù và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	5
Phần mềm quản lý	3 - 5

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Trong đó, giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ đường thẳng trong vòng mười năm kể từ ngày phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10
H
Y
T
U
H
T
E
M
C

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	10.387.803.000	9.394.953.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.351.121.982	4.247.522.813
Tiền đang chuyển	13.128.920	25.058.000
	<u>12.752.053.902</u>	<u>13.667.533.813</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	735.200.000.000	877.730.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	21.500.000.000	-
	<u>756.700.000.000</u>	<u>877.730.000.000</u>
b. Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết	253.277.125.000	253.277.125.000
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	253.277.125.000	253.277.125.000
Đầu tư vào đơn vị khác	33.605.592.683	21.165.892.683
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	29.442.390.096	17.002.690.096
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	4.163.202.587	4.163.202.587
	<u>286.882.717.683</u>	<u>274.443.017.683</u>

Đầu tư vào Công ty liên kết

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54	33,54	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	13,67	13,67	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23	3,23	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân Hàng TMCP VN Thương Tín	595.633.400	-
Công ty Ajinomoto Việt Nam	500.930.000	-
Dam Sen Water Park JSC	1.947.570.000	690.360.000
Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	159.799.871	7.390.000
Các khách hàng khác	947.843.381	1.120.022.905
	4.151.776.652	1.817.772.905
Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	1.947.570.000	690.360.000

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần IPOS.VN	1.014.480.000	1.014.480.000
DNTN Nghề Truyền Thống Tâm Tín	735.000.000	-
Công ty Cổ phần HUETRONICS	300.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn PMI	299.310.000	-
Công ty TNHH khu mua sắm đệ nhất Phan Khang	-	9.435.244.500
Các đối tượng khác	316.283.654	2.527.293.136
	2.665.073.654	13.157.017.636

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức được chia	14.588.762.400	14.588.762.400
Phải thu về lãi tiền gửi	33.322.863.890	40.420.527.651
Phải thu về BHXH	273.624.800	273.265.600
Phải thu về BHYT	53.072.250	51.237.300
Phải thu về BHTN	34.203.100	34.158.200
Tạm ứng	305.200.000	69.193.000
Ký cược, ký quỹ	509.592.985	160.365.060
Phải thu thuế TNCN của nhân viên	-	183.330.882
Phải thu khác	553.672.658	227.212.428
	49.640.992.083	56.008.052.521
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.518.000.000	990.000.000
Văn phòng luật sư An Thái	200.000.000	200.000.000
Phải thu của trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	10.960.656.948	10.960.656.948
	12.678.656.948	12.150.656.948

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.030.286.202	654.965.262
Chi phí sửa chữa	462.703.000	41.380.000
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	721.993.902	1.579.566.655
	<u>2.214.983.104</u>	<u>2.275.911.917</u>
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	6.722.855.489	14.149.624.315
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	75.117.841.040	85.301.455.052
Sửa chữa lớn TSCĐ	370.664.390	457.172.136
Khâu hao Bowling	6.995.003.594	6.995.003.594
Chi phí khác	624.435.951	602.644.727
	<u>89.830.800.464</u>	<u>107.505.899.824</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU DÀI HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND
Văn phòng luật sư An Thái	200.000.000	-	200.000.000	-
Võ Trung Thiệp	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
	<u>7.040.000.000</u>		<u>7.040.000.000</u>	

Các khoản nợ xấu đã quá hạn trên 3 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

01
 C
 C
 CH
 DE
 VI

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	280.606.118.774	152.836.764.915	1.223.167.324	28.240.833.766	3.385.059.273	466.291.944.052
Tăng trong năm	741.310.038	19.269.981.564	734.678.239	1.240.000.000	-	21.985.969.841
Chuyển từ xây dựng dở đang	34.861.606.787	3.638.347.909	-	-	-	38.499.954.696
Thanh lý, nhượng bán	(801.916.230)	(2.283.860.473)	-	(779.874.584)	(154.000.000)	(4.019.651.287)
Số dư cuối năm	315.407.119.369	173.461.233.915	1.957.845.563	28.700.959.182	3.231.059.273	522.758.217.302
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	153.621.600.610	119.871.856.147	1.065.592.781	20.090.191.878	723.997.842	295.373.239.258
Khấu hao trong năm	28.798.736.846	14.098.652.070	217.064.652	3.411.934.826	523.840.203	47.050.228.597
Thanh lý, nhượng bán	(707.365.012)	(2.095.935.315)	-	(616.017.095)	(17.222.451)	(3.436.539.873)
Số dư cuối năm	181.712.972.444	131.874.572.902	1.282.657.433	22.886.109.609	1.230.615.594	338.986.927.982
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	126.984.518.164	32.964.908.768	157.574.543	8.150.641.888	2.661.061.431	170.918.704.794
Tại ngày cuối năm	133.694.146.925	41.586.661.013	675.188.130	5.814.849.573	2.000.443.679	183.771.289.320

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 97.071.953.423 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 86.578.368.740 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.005.887.488	27.524.748.727	29.530.636.215
Tăng trong năm	469.276.175	-	469.276.175
Số dư cuối năm	2.475.163.663	27.524.748.727	29.999.912.390
Số dư đầu năm	1.925.316.974	27.524.748.727	29.450.065.701
Khấu hao trong năm	296.238.856	-	296.238.856
Số dư cuối năm	2.221.555.830	27.524.748.727	29.746.304.557
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	80.570.514	-	80.570.514
Tại ngày cuối năm	253.607.833	-	253.607.833

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.377.976.215 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 29.377.976.215 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc công viên Đầm Sen	956.240.111	3.886.160.538
Sửa chữa, cải tạo Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát	122.727.273	2.788.882.210
Sửa chữa, cải tạo khách sạn Phú Thọ	-	3.654.958.089
	1.078.967.384	10.330.000.837

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần TM XD Bảo vệ Môi trường Một Một Hai Hai	2.499.288.807	2.499.288.807	-	-
Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	-	-	45.864.612	45.864.612
Công ty CP Công viên nước Đầm Sen	210.116.000	210.116.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	14.078.223.079	14.078.223.079	12.265.199.858	12.265.199.858
	16.787.627.886	16.787.627.886	12.311.064.470	12.311.064.470



15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u> VND	<u>Số thực nộp</u> <u>trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	1.078.952.901	16.962.545.026	16.534.530.974	1.506.966.953
Thuế tiêu thụ đặc biệt	137.204.749	1.567.311.530	1.570.366.079	134.150.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp	703.888.020	11.449.686.564	10.954.744.393	1.198.830.191
Thuế thu nhập cá nhân	(2.190.251)	1.659.076.947	1.561.648.867	95.237.829
Thuế tài nguyên	891.200	10.770.240	10.760.640	900.800
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	28.609.657.451	28.609.657.451	-
Phí, lệ phí và các loại thuế khác	-	1.143.012.030	1.143.012.030	-
	<u>1.918.746.619</u>	<u>61.402.059.788</u>	<u>60.384.720.434</u>	<u>2.936.085.973</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kinh phí công đoàn	205.526.200	204.079.900
Lợi nhuận phải trả cho Sài Gòn Tourist	-	146.782.956.634
Lợi nhuận phải trả cho các bên hợp tác kinh doanh	94.123.993	384.519.492
Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (*)	29.080.056.313	29.080.056.313
Công ty CP Công viên nước Đầm Sen	1.550.724.000	-
Phải trả, phải nộp khác	4.428.855.331	9.038.169.795
	<u>35.359.285.837</u>	<u>185.489.782.134</u>

(*) Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng góp vốn kinh doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng	27.809.090.884	27.809.090.884
Doanh thu kinh doanh trung tâm Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	<u>29.080.056.313</u>	<u>29.080.056.313</u>

Các khoản phải trả này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của</u> <u>chủ sở hữu</u> VND	<u>Thặng dư vốn cổ</u> <u>phần</u> VND	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> <u>chưa phân phối</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
Số dư đầu năm trước	1.186.840.000.000	69.686.924.280	4.854.098.776	1.261.381.023.056
Lợi nhuận trong năm	-	-	64.648.558.408	64.648.558.408
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(485.409.878)	(485.409.878)
Điều chỉnh thuế theo Kiểm toán nhà nước	-	-	(4.779.036)	(4.779.036)
Số dư đầu năm nay	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>69.012.468.270</u>	<u>1.325.539.392.550</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	66.890.547.325	66.890.547.325
Phân phối lợi nhuận	-	-	(59.342.000.000)	(59.342.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(1.616.213.960)	(1.616.213.960)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(3.232.427.920)	(3.232.427.920)
Số dư cuối năm nay	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>71.712.373.715</u>	<u>1.328.239.297.995</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.711.454.200	56.814.222.818
Chi phí nhân công	85.847.678.714	79.694.221.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.346.467.453	59.249.795.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.856.694.597	63.344.058.422
Chi phí khác bằng tiền	86.029.513.506	86.720.664.932
	<u>344.791.808.470</u>	<u>345.822.962.801</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.693.630.400	21.744.931.775
Lãi tiền gửi ngân hàng	60.789.475.485	60.891.411.103
Chiết khấu thanh toán	-	5.816.046
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	57.729	46.290
	<u>83.483.163.614</u>	<u>82.642.205.214</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.072.858.100	1.132.975.850
Chi phí vật liệu bao bì	60.662.522	49.488.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	163.469.719	134.922.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.800.645	211.960.855
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.770.355.887	9.217.013.246
	<u>10.169.146.873</u>	<u>10.746.361.042</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	12.395.311.875	11.232.782.611
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	229.131.016	191.734.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	819.384.744	603.632.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	770.344.406	558.353.668
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.659.643.207	18.396.960.554
	<u>30.873.815.248</u>	<u>30.983.464.166</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	396.183.260	-
Các khoản thu nhập khác	2.152.533.496	1.634.477.309
	<u>2.548.716.756</u>	<u>1.634.477.309</u>

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	166.383.365
Các khoản khác	1.624.697.085	1.241.488.563
	<u>1.624.697.085</u>	<u>1.407.871.928</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	78.340.233.889	76.050.056.285
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: thu nhập không chịu thuế	22.693.630.400	20.262.170.000
- Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	1.601.829.329	1.219.603.100
Thu nhập tính thuế trong năm	57.248.432.818	57.007.489.385
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế trong năm	11.449.686.564	11.401.497.877

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc phải trả được ghi nhận vì không có khoản chênh lệch đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trong báo cáo tài chính và căn cứ tính thuế được sử dụng trong việc tính lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.890.547.325	64.648.558.408
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.689.054.733	4.848.641.880
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.201.492.592	59.799.916.528
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	118.684.000	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	507	504

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 với số tiền là 4.848.641.880 đồng. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định bằng lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Kỳ trước được tính lại theo Thông tư 200 cho mục đích so sánh.

Đồng thời, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay cũng đã trừ đi số ước tính sẽ trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2018 với số tiền là 6.689.054.733 đồng.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn-TNHH Một thành viên
Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen

Mối quan hệ
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty liên kết



Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen		
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.100.000.000	1.867.128.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.469.096.571	-
Chi phí sử dụng dịch vụ	382.401.819	-
Cổ tức được chia	<u>22.693.630.400</u>	<u>20.262.170.000</u>
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Công ty Cổ phần Sam Holdings		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>156.870.913</u>	<u>-</u>

Thu nhập Ban Giám đốc và HĐQT được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>4.032.680.000</u>	<u>3.590.151.978</u>

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	1.947.570.000	690.360.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	210.116.000	-
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	14.588.762.400	14.588.762.400
Công ty Cổ phần Sam Holdings	14.440.000	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	146.782.956.634
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	<u>1.550.724.000</u>	<u>-</u>

29. NỢ TIỀM TÀNG

a. Tranh chấp thương mại

Ngày 01 tháng 6 năm 1997, Công ty ký hợp đồng hợp tác liên doanh số 07/HD97 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt có ký hợp đồng thuê tài sản từ một công ty cho thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam (tên cũ Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam).

Trong năm 1999, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng cho thuê tài chính. Theo bản án số 1113/2009/KDTM-ST ngày 08 tháng 5 năm 2009, Tòa án Nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính trên. Sau đó, Công ty đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12 tháng 01 năm 2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc phẩm lần thứ 2, ra tuyên bố hủy bản án số 1113/2009/KDTM-ST ngày 08 tháng 05 năm 2009 và giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung. Vụ án được tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lần thứ 3 vào ngày 13 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.022.082,725 đô la Mỹ trừ đi 127.772.000 đồng do đã nộp tiền cho Kho bạc Nhà nước.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014 Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tòa án Nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc phẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định giá Đông nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ bị hủy.



Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, do chưa có kết quả định giá tài sản tranh chấp nên Tòa án Nhân dân Tối cao chưa có phán quyết cuối cùng. Vì vậy, các nghĩa vụ nêu trên chưa được Công ty phản ánh vào báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan vấn đề này sẽ được Công ty ghi nhận đầy đủ vào sổ kế toán và phản ánh đầy đủ vào báo cáo tài chính khi có bản án chính thức từ Tòa án Nhân dân Tối cao.

b. Thay đổi đơn giá thuê đất

Ngày 05 tháng 5 năm 2016, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh gửi Thông báo số 5155/TB-CT cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ về việc xác định lại Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của khu đất có diện tích 318.636

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 đơn giá thuê đất được xác định là 60.000 đồng/m²;

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đơn giá thuê đất được xác định là 178.000 đồng /m²;

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đơn giá thuê đất là 225.720 đồng/m² (đối với 107.431,4 m² đất kinh doanh làm khu vui chơi giải trí) và 166.320 đồng/m² (đối với 211.204,6 m² đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh).

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, tiền thân của Công ty Cổ phần Du lịch Phú Thọ, chưa thống nhất được đơn giá thuê đất cũng như Công ty chưa nhận được thông báo tiền thuê đất chính thức của Chi cục Thuế Quận 11 nên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa thực hiện nghĩa vụ này kể từ thời điểm nhận được Thông báo số 5155/TB-CT cho đến khi Công ty trở thành Công ty Cổ phần vào ngày 17 tháng 5 năm 2016 và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này.

Mặt khác, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đã gửi các văn bản đến các cơ quan có chức năng nhằm đề xuất xem xét miễn, giảm và xác định lại đơn giá tiền thuê đất trong giai đoạn này vì sau khi làm việc với các Cơ quan có thẩm quyền thì đơn giá tiền thuê đất trong năm 2017 và 2018 giảm đi khá nhiều. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa xác định và hạch toán bổ sung tiền thuê đất này, đồng thời, chưa xem xét ảnh hưởng của vấn đề này đến tiền thuế TNDN và phân phối lợi nhuận trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm cổ phần hóa vào ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Tương tự, Công ty Cổ phần Du lịch Phú Thọ chưa hạch toán bổ sung tiền thuê đất này cũng như chưa xem xét đến các ảnh hưởng có thể có đến báo cáo tài chính của Công ty cho đến thời điểm điểm hiện tại do Công ty chưa nhận được ý kiến phản hồi từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thuế Quận 11 cho đến thời điểm lập báo cáo này.

Đến thời điểm này, UBND Tp. Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, do đó, Công ty trong thời gian chờ ý kiến cuối cùng từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành các công việc xử lý về mặt kế toán kể từ khi Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

30. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 đồng tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17 tháng 5 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.


Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2019